

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST
Ngày 12 - 01- 2022
“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Hoàng Đắc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Đức Thắng
Ông Huỳnh Hoàng Khởi

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Xuân Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 12 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 319/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1981; cư trú tại: số v, Lý Văn L, khóm x, phường y, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trương Phước A, sinh năm 1982; cư trú tại: số v, Lý Văn L, khóm x, phường y, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Chị Nguyễn Thị Bích L trình bày tại đơn khởi kiện và được bổ sung tại phiên tòa như sau:

Về hôn nhân: Năm 2008, chị L và anh Trương Phước A tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống, vợ chồng mâu thuẫn do không hợp nhau, thường xuyên cự cãi. Anh A thường sử dụng và nghiện ma túy, nhiều lần chửi xua đuổi, xúc phạm chị L. Chị L xác định không còn tình cảm và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với Trương Phước An.

Về con chung: Chị L và anh A có 01 người con chung là Trương Trâm An, sinh ngày 15/8/2009, đang sống với chị L. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh A cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Chị L và anh A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: Chị L xác định không có.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn Trương Phước An đầy đủ, đúng theo quy định pháp luật nhưng bị đơn vẫn vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến, cũng không có đơn phản tố gửi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn anh Trương Phước A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên tòa xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về hôn nhân*: Năm 2008, chị Nguyễn Thị Bích L và anh Trương Phước An tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa anh chị được pháp luật công nhận là hợp pháp và được bảo vệ.

[3] Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo chị L trình bày: Vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cự cãi. Anh A thường sử dụng và nghiện ma túy, đã cai nghiện nhưng vẫn không thay đổi. Ngoài ra, anh A còn chửi, xua đuổi và xúc phạm chị L. Chị L xác định không còn tình cảm và yêu cầu được ly hôn với anh A. Về phía anh A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến của mình gửi cho Tòa án. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh A không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Bích L được ly hôn với anh Trương Phước A.

[3] *Về con chung*: Chị L và anh A có 01 người con chung là Trương Trâm An, sinh ngày 15/8/2009, đang sống với chị L. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Xét thấy, cháu Trâm An đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng sống với chị L. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Trương Trâm An cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định. Anh Trương Phước A không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con, theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên, chị L xác định có đủ điều kiện nuôi con, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] *Về tài sản chung*: Chị L và anh A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung, nợ riêng: Chị L xác định không có.

[7] *Về án phí*: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 143, 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bích L và anh Trương Phước A.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Trương Trâm An, sinh ngày 15/8/2009 cho chị L nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con, không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Anh Trương Phước A không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị L và anh A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung, nợ riêng: Chị L xác định không có.

5. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ngày 16/7/2021, chị L đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001313 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau được đối trừ chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Phòng KT-NV và THA TAND tỉnh Cà Mau (Gửi email);
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- UBND phường 5, thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

Thái Hoàng Đắc